

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THU HỒI
Thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường nội thị (đoạn tuyến từ ĐT295 đi QL17) thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2022 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo GCN, HSDC			Thông tin thửa đất theo BĐ ĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích đã thu hồi năm 2011 (m ²)	Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)		Đất Giao cho hộ	Đất UB	Tổng DT thu hồi			
1	Giáp Thị Đôi Nguyễn Văn Chuyên	Vườn Đình	6	660	396	3	471	276,2	LUC	31,6	0,0	31,6	244,6	162,5	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
2	Nguyễn Văn Vân	Vườn Đình	6	611	324	3	456	136,5	LUC	50,6	0,0	50,6	85,9	292,1	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
3	Nguyễn Văn Nghĩa	Vườn Đình	6 (4)	595 (357/1)	435 (233,1)	3	432	228,0	LUC	59,4	0,0	59,4	168,6	228,4	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
4	Phạm Đức Hoàn (Phạm Đức Vy)	Vườn Đình	10	347	150	3	1216	77,5	LUC	1,6	0,0	1,6	75,9	50,1	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
5	Nguyễn Văn Hoa	Vườn Đình	10	346	192	3	1215	87,1	LUC	12,6	0,0	12,6	74,5	63,2	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
6	Nguyễn Văn Yên	Vườn Đình	10	329	287	3	897	280,4	LUC	29,2	0,0	29,2	251,2	34,8	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
7	Nguyễn Thị Lược	Vườn Đình	10	556	102	3	408	604,8	LUC	39,5	0,0	39,5	0,0	62,5	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
8	Đỗ Thị Dung	Vườn Đình	10	557	234	3			LUC	45,6	0,0	45,6			
9	Nguyễn Thị Kim	Vườn Đình	10	303	240	3	859	196,5	LUC	26,5	0,0	26,5	170,0	31,6	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
10	Vũ Đắc Thùy Nguyễn Thị Thúy Phương	Đình Giã	6	538	561	20	394	567,4	LUC	66,7	0,0	66,7	500,7	50,7	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
11	Bùi Thị Nam Chiến	Đình Giã	6	480	500	3	372	535,6	LUC	96,4	0,0	96,4	439,2		
	Bùi Thị Nam Chiến (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	185	1260	3	162	148,2	BHK	0,0	35,4	35,4	112,8		
12	Nguyễn Đức Phú Phạm Thị Đệ	Đình Giã	6	432	295	3	348	224,0	LUC	44,4	0,0	44,4	179,6	61,0	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo GCN, HSDC			Thông tin thửa đất theo BĐ ĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích đã thu hồi năm 2011 (m ²)	Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)	Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)		Đất Giao cho hộ	Đất UB	Tổng DT thu hồi			
13	Dương Đình Vạn	Đình Giã	6	337	430	3	306	150,9	BHK	77,1	0,0	77,1	73,8	111,4	Thu hồi tại Quyết định 1289 ngày 07/12/2011
14	Nguyễn Văn Vững (Nguyễn Văn Xuyên)	Đình Giã	6	246/1	189	3	263	87,6	BHK	87,6	0,0	87,6	0,0		
15	Dương Đình Chân Nguyễn Thị Dương	Đình Giã	6	247/2	143	3	226	250,0	BHK	83,1	0,0	83,1	166,9		
16	Nguyễn Văn Túc Hoàng Thị Vinh	Đình Giã	6	234	192	3	210	577,9	BHK	64,0	0,0	64,0	513,9		
17	Nguyễn Thị Dung (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	180	112	3	126	78,1	LUC	0,0	78,1	78,1	0,0		
18	Nguyễn Văn Quyền Nguyễn Thị Hiền (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	185	1260	3	120	201,5	LUC	0,0	73,5	73,5	128,0		
19	Lê Văn Minh (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	185	1260	3	107	145,8	LUC	0,0	145,8	145,8	0,0		
20	Lục Thị Xín Nguyễn Xuân Lộc (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	185	1260	3	152	118,2	LUC	0,0	118,2	118,2	0,0		
21	Nguyễn Thị Hải (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	185	1260	3	142	143,5	LUC	0,0	143,5	143,5	0,0		
22	Nguyễn Văn Thiệu (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	228	334	3	191	38,0	BHK	0,0	38,0	38,0	0,0		
23	Nguyễn Thị Tâm (Sĩ) (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	6	229	260	3	180	79,6	BHK	0,0	79,6	79,6	0,0		
Tổng										815,9	712,1	1528,0	3185,6	1148,3	

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN
Thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường nội thị (đoạn tuyến từ ĐT295 đi QL17) thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2022 của UBND huyện Tân Yên)

ST T	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ,cá nhân						Hỗ trợ khi thu hồi đất UBND xã quản lý	Tổng kinh phí Bồi thường hỗ trợ
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Tổng DT thu hồi (m2)	Đất của hộ (m2)	Đất UB	Bồi thường về đất 52.000đ/m2, thủy sản: 33.000đ/m2	Bồi thường hoa màu trên đất 9.500đ/m2, thủy sản 7.600đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 10.000đ/m2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm =3 lần giá đất NN 156.000đ/m2, thủy sản 99.000đ/m2	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích (50% giá đất NN)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Giáp Thị Đồi Nguyễn Văn Chuyên	Vườn Đình	3	471	276,2	LUC	31,6	31,6	0	1.643.200	300.200	316.000	4.929.600	-	7.189.000	-	7.189.000
2	Nguyễn Văn Vân	Vườn Đình	3	456	136,5	LUC	50,6	50,6	0	2.631.200	480.700	506.000	7.893.600	-	11.511.500	-	11.511.500
3	Nguyễn Văn Nghĩa	Vườn Đình	3	432	228	LUC	59,4	59,4	0	3.088.800	564.300	594.000	9.266.400	-	13.513.500	-	13.513.500
4	Phạm Đức Hoàn (Phạm Đức Vy)	Vườn Đình	3	1216	77,5	LUC	1,6	1,6	0	83.200	15.200	16.000	249.600	-	364.000	-	364.000
5	Nguyễn Văn Hoa	Vườn Đình	3	1215	87,1	LUC	12,6	12,6	0	655.200	-	126.000	1.965.600	-	2.746.800	-	2.746.800
6	Nguyễn Văn Yên	Vườn Đình	3	897	280,4	LUC	29,2	29,2	0	1.518.400	-	292.000	4.555.200	-	6.365.600	-	6.365.600
7	Nguyễn Thị Lục	Vườn Đình	3	408	604,8	LUC	39,5	39,5	0	2.054.000	375.250	395.000	6.162.000	-	8.986.250	-	8.986.250
8	Đỗ Thị Dung	Vườn Đình	3			LUC	45,6	45,6	0	2.371.200	433.200	456.000	7.113.600	-	10.374.000	-	10.374.000
9	Nguyễn Thị Kim	Vườn Đình	3	859	196,5	LUC	26,5	26,5	0	1.378.000	251.750	265.000	4.134.000	-	6.028.750	-	6.028.750
10	Vũ Đắc Thùy Nguyễn Thị Thúy Phương	Đình Giã	20	394	567,4	LUC	66,7	66,7	0	3.468.400	633.650	667.000	-	-	4.769.050	-	4.769.050
11	Bùi Thị Nam Chiến	Đình Giã	3	372	535,6	LUC	96,4	96,4	0	5.012.800	915.800	964.000	15.038.400	-	21.931.000	-	21.931.000
0	Bùi Thị Nam Chiến (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	162	148,2	BHK	35,4	0	35,4	-	336.300	-	-	920.400	1.256.700	1.840.800	3.097.500
12	Nguyễn Đức Phú Phạm Thị Đệ	Đình Giã	3	348	224	LUC	44,4	44,4	0	2.308.800	-	444.000	6.926.400	-	9.679.200	-	9.679.200

ST T	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ,cá nhân						Hỗ trợ khi thu hồi đất UBND xã quản lý	Tổng kinh phí Bồi thường hỗ trợ
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Tổng DT thu hồi (m2)	Đất của hộ (m2)	Đất UB	Bồi thường về đất 52.000đ/m2, thủy sản: 33.000đ/m2	Bồi thường hoa màu trên đất 9.500đ/m2, thủy sản 7.600đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 10.000đ/m2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm =3 lần giá đất NN 156.000đ/m2, thủy sản 99.000đ/m2	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích (50% giá đất NN)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
13	Dương Đình Vạn	Đình Giã	3	306	150,9	BHK	77,1	77,1	0	4.009.200	732.450	771.000	12.027.600	-	17.540.250	-	17.540.250
14	Nguyễn Văn Vững (Nguyễn Văn Xuyên)	Đình Giã	3	263	87,6	BHK	87,6	87,6	0	4.555.200	832.200	876.000	13.665.600	-	19.929.000	-	19.929.000
15	Dương Đình Chân Nguyễn Thị Đương	Đình Giã	3	226	250	BHK	83,1	83,1	0	4.321.200	789.450	831.000	12.963.600	-	18.905.250	-	18.905.250
16	Nguyễn Văn Túc Hoàng Thị Vinh	Đình Giã	3	210	577,9	BHK	64	64	0	3.328.000	608.000	640.000	9.984.000	-	14.560.000	-	14.560.000
17	Nguyễn Thị Dung (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	126	78,1	LUC	78,1	0	78,1	-	741.950	-	-	2.030.600	2.772.550	4.061.200	6.833.750
18	Nguyễn Văn Quyền Nguyễn Thị Hiền (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	120	201,5	LUC	73,5	0	73,5	-	698.250	-	-	1.911.000	2.609.250	3.822.000	6.431.250
19	Lê Văn Minh (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	107	145,8	LUC	145,8	0	145,8	-	1.385.100	-	-	3.790.800	5.175.900	7.581.600	12.757.500
20	Lục Thị Xín Nguyễn Xuân Lộc (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	152	118,2	LUC	118,2	0	118,2	-	1.122.900	-	-	3.073.200	4.196.100	6.146.400	10.342.500
21	Nguyễn Thị Hải (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	142	143,5	LUC	143,5	0	143,5	-	1.363.250	-	-	3.731.000	5.094.250	7.462.000	12.556.250
22	Nguyễn Văn Thiệu (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	191	38	BHK	38	0	38	-	361.000	-	-	988.000	1.349.000	1.976.000	3.325.000
23	Nguyễn Thị Tâm (Sĩ) (UBND TT Cao Thượng)	Đình Giã	3	180	79,6	BHK	79,6	0	79,6	-	756.200	-	-	2.069.600	2.825.800	4.139.200	6.965.000
Tổng					5.233	0	1.528,00	815,9	712,1	42.426.800	13.697.100	8.159.000	116.875.200	18.514.600	199.672.700	37.029.200	236.701.900

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ/UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tân Yên về việc xác định giá đất cụ thể, giá tài sản gắn liền trên đất để tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án các xã trên địa bàn huyện Tân Yên.

ST T	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ,cá nhân					Hỗ trợ khi thu hồi đất UBND xã quản lý	Tổng kinh phí Bồi thường hỗ trợ	
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)		Tổng DT thu hồi (m ²)	Đất của hộ (m ²)	Đất UB	Bồi thường về đất 52.000đ/m ² , thủy sản: 33.000đ/m ²	Bồi thường hoa màu trên đất 9.500đ/m ² , thủy sản 7.600đ/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 10.000đ/m ²	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm =3 lần giá đất NN 156.000đ/m ² , thủy sản 99.000đ/m ²	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích (50% giá đất NN)			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG NỘI THỊ (ĐOẠN TUYẾN TỪ TL295 ĐI QL17) THỊ TRẤN CAO THƯỢNG, HUYỆN TÂN YÊN

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2022 của UBND huyện Tân Yên)

ĐVT: đồng

STT	CHỦ SỬ DỤNG	Thông tin theo Tờ Tđo ĐC			DT trong chỉ giới thu hồi (m ²)			Loại đất	Bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân				
		Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích	Tổng	Đất hộ	UBND		Loại cây trồng trên đất	Đơn vị tính (đồng/m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ bồi thường (%)	Thành Tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nguyễn Văn Hoa	3	1215	87,1	12,6	12,6	0	LUC	Hoa sen	đ/m ²	26.500	80	267.120
2	Nguyễn Văn Yên	3	897	280,4	29,2	29,2	0	LUC	Hoa sen	đ/m ²	26.500	80	619.040
Tổng					41,8	41,8	0						886.160

Áp giá theo Công văn số 1250/SNN-KHTC ngày 29/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang về việc Công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng cuối năm 2022

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN, LÂM LỘC TRÊN ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG NỘI THỊ
(ĐOẠN TUYẾN TỪ TL295 ĐI QL17) THỊ TRẤN CAO THƯỢNG, HUYỆN TÂN YÊN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2022 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích thu hồi	Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số Lượng	Tỉ lệ bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyễn Đức Phú Phạm Thị Đệ	3	348	224	LUC	44,4	Đào ĐK gốc trên 30cm	đ/cây	1	80	550.000	440.000
							Đào ĐK gốc từ 7-9 cm	đ/cây	6	80	190.000	912.000
							Quát ĐK gốc từ 5-7cm (Áp giá theo cây chanh)	đ/cây	1	80	319.000	255.200
Tổng												1.607.200

Áp giá theo Công văn số 1250/SNN-KHTC ngày 29/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang về việc Công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng cuối năm 2022

